



**CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN XE MIỀN TÂY**

Số: **60** /BXMT-TK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **06** tháng 8 năm 2024

Về việc công bố thông tin Báo cáo tài chính
đã soát xét 6 tháng đầu năm 2024

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây**
2. Mã chứng khoán: **WCS**
3. Trụ sở chính: 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP.HCM.
4. Điện thoại: 19007373 (100) Fax: (028) 38752853
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Văn Thành – người được ủy quyền công bố thông tin.
6. Nội dung công bố thông tin:
Báo cáo tài chính đã soát xét 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC và giải trình LNST thay đổi từ 10% trở lên.
7. Địa chỉ Website của công ty đăng tải: www.bxmt.com.vn hoặc đường link <https://bxmt.com.vn/co-dong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC.

Nguyễn Văn Thành



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

**Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024**

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 30

030
KI
AFC
27

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301121128 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2006 và được thay đổi lần 5 (năm) vào ngày 23 tháng 09 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 1900 7373
- Fax : (028) 3 875 2853

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Hoạt động khai thác, điều hành và kinh doanh bến xe. Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ (trong khuôn viên bến xe); Cung cấp dịch vụ phục vụ trong bến xe;
- Dịch vụ vận tải hành khách nội tỉnh, liên tỉnh. Dịch vụ vận tải hành khách theo Hợp đồng;
- Nhận ủy thác bán vé đối với các doanh nghiệp vận tải hành khách bằng ô tô. Tổ chức bán vé cho khách, sắp xếp xe ô tô vào bến đón khách, trả khách đảm bảo trật tự, an toàn;
- Cung cấp Dịch vụ ăn uống phục vụ hành khách, lái phụ xe và nhân viên phục vụ trên xe;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ (trừ hoá lỏng khí để vận chuyển);
- Mua bán phụ tùng vật tư xe ô tô;
- Bán buôn xăng dầu;
- Lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- Dịch vụ vui chơi giải trí phục vụ cho hành khách trong khuôn viên bến xe;
- Cung cấp dịch vụ lưu trú cho hành khách theo giờ và theo ngày tại bến xe;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Bán vé xe khách qua điện thoại hoặc internet hoặc các phương tiện quảng cáo khác;
- Cho thuê bãi đậu xe, văn phòng, quầy bán vé, cửa hàng kinh doanh (Kí-ốt) được xây dựng trong bến xe.

Trong kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, hoạt động chính của Công ty là khai thác điều hành và kinh doanh bến xe. Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ (trong khuôn viên bến xe); Cung cấp dịch vụ phục vụ trong bến xe.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: WCS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 2.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 25.000.000.000 VND

2. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty trong kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và Tên	Chức vụ
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đặng Nguyễn Nguyên Huân	Thành viên
Ông Trần Văn Phương	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Mai Thanh Bình	Thành viên
Ông Bùi Công Hiệp	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Đặng Nguyễn Nguyên Huân	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Trưởng ban
Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	Thành viên
Bà Nguyễn Văn Hà	Thành viên

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Đặng Nguyễn Nguyên Huân	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị ✓



Bà LÊ THỊ MỸ HẠNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2024



Số: 202/2024/BCSX-HCM.00342

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý cổ đông**
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (được gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính cho kỳ tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN	100		239.645.877.080	255.661.059.251
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	41.090.251.892	44.135.534.645
Tiền	111		6.090.251.892	20.935.534.645
Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	23.200.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		186.420.000.000	200.270.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	186.420.000.000	200.270.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.184.515.292	8.436.735.351
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	5.145.624.451	4.508.748.337
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.373.516.906	2.169.504.080
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	3.833.765.985	1.926.874.984
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(168.392.050)	(168.392.050)
Hàng tồn kho	140	5.7	92.720.000	99.216.000
Hàng tồn kho	141		92.720.000	99.216.000
Tài sản ngắn hạn khác	150		858.389.896	2.719.573.255
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	858.389.896	901.121.829
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	-	1.818.451.426
TÀI SẢN	200		34.825.655.519	28.543.923.627
TÀI SẢN DÀI HẠN				
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216		6.000.000	-
Tài sản cố định	220		33.577.972.918	26.643.079.662
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	29.606.362.747	25.424.039.484
Nguyên giá	222		97.917.175.341	92.338.518.427
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(68.310.812.594)	(66.914.478.943)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	3.971.610.171	1.219.040.178
Nguyên giá	228		7.808.554.390	4.835.304.390
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.836.944.219)	(3.616.264.212)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		657.571.478	1.113.801.117
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	657.571.478	1.113.801.117
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		584.111.123	787.042.848
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	584.111.123	787.042.848
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		274.471.532.599	284.204.982.878

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
NGUỒN VỐN	300		37.434.728.745	81.292.307.600
NỢ PHẢI TRẢ	310		33.334.137.863	77.052.451.726
Nợ ngắn hạn	310		33.334.137.863	77.052.451.726
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	2.041.161.720	318.033.133
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	54.652.112	26.289.018
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	7.220.976.034	4.981.118.071
Phải trả người lao động	314	5.15	8.999.634.734	14.328.169.105
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		27.570.000	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	287.689.070	380.556.127
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	1.792.458.122	42.987.090.446
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	12.909.996.071	14.031.195.826
Nợ dài hạn	330		4.100.590.882	4.239.855.874
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	4.100.590.882	4.239.855.874
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		237.036.803.854	202.912.675.278
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	237.036.803.854	202.912.675.278
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		118.927.026.605	118.927.026.605
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		93.109.777.249	58.985.648.673
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		58.985.648.673	47.223.101.074
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		34.124.128.576	11.762.547.599
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		274.471.532.599	284.204.982.878




LÊ NGỌC ĐOAN
 Người lập biểu



NGUYỄN VĂN THÀNH
 Kế toán trưởng





ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		78.499.606.521	68.586.266.689
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	78.499.606.521	68.586.266.689
Giá vốn hàng bán	11	6.2	29.542.129.402	28.246.939.971
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.957.477.119	40.339.326.718
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.598.820.879	5.657.232.306
Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	8.032.048.304	7.609.099.932
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		46.524.249.694	38.387.459.092
Thu nhập khác	31	6.5	2.790.961.276	1.991.148.825
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	40		2.790.961.276	1.991.148.825
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		49.315.210.970	40.378.607.917
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.14	9.929.082.394	8.126.924.689
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		39.386.128.576	32.251.683.228
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	13.650	11.136



LÊ NGỌC ĐOÀN
Người lập biểu



NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng



ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
Lợi nhuận trước thuế	01		49.315.210.970	40.378.607.917
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		2.077.437.357	2.102.204.332
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		-	-
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản	04		-	-
mục tiền tệ có gốc ngoại tệ				
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.598.820.879)	(5.658.514.806)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		45.793.827.448	36.822.297.443
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(1.065.466.191)	(3.245.289.357)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10		6.496.000	1.800.000
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế	11		(3.727.720.422)	9.537.889.794
thu nhập doanh nghiệp phải nộp)				
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		245.663.658	(38.125.350)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.14	(8.937.741.072)	(3.422.827.633)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		22.642.000	9.350.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.405.841.755)	(3.884.484.599)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		25.931.859.666	35.780.610.298
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(8.556.100.974)	(2.166.085.248)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	1.282.500
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(83.150.000.000)	(69.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		97.000.000.000	28.100.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.728.958.555	5.597.516.610
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.022.857.581	(37.467.286.138)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ	32		-	-
phiếu của doanh nghiệp đã phát hành				
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(40.000.000.000)	(5.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(40.000.000.000)	(5.000.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(3.045.282.753)	(6.686.675.840)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	5.1	44.135.534.645	12.215.953.075
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	5.1	41.090.251.892	5.529.277.235


LÊ NGỌC ĐOÀN
 Người lập biểu


NGUYỄN VĂN THÀNH
 Kế toán trưởng



ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301121128 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2006 và được thay đổi lần thứ 5 (năm) vào ngày 23 tháng 09 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: WCS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 2.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 25.000.000.000 VND

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Hoạt động khai thác, điều hành và kinh doanh bến xe. Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ (trong khuôn viên bến xe); Cung cấp dịch vụ phục vụ trong bến xe;
- Dịch vụ vận tải hành khách nội tỉnh, liên tỉnh. Dịch vụ vận tải hành khách theo Hợp đồng;
- Nhận ủy thác bán vé đối với các doanh nghiệp vận tải hành khách bằng ô tô. Tổ chức bán vé cho khách, sắp xếp xe ô tô vào bến đón khách, trả khách đảm bảo trật tự, an toàn;
- Cung cấp Dịch vụ ăn uống phục vụ hành khách, lái phụ xe và nhân viên phục vụ trên xe;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ (trừ hoá lỏng khí để vận chuyển);
- Mua bán phụ tùng vật tư xe ô tô;
- Bán buôn xăng dầu;
- Lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- Dịch vụ vui chơi giải trí phục vụ cho hành khách trong khuôn viên bến xe;
- Cung cấp dịch vụ lưu trú cho hành khách theo giờ và theo ngày tại bến xe;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Bán vé xe khách qua điện thoại hoặc internet hoặc các phương tiện quảng cáo khác;
- Cho thuê bãi đậu xe, văn phòng, quầy bán vé, cửa hàng kinh doanh (Kí-ốt) được xây dựng trong bến xe.

Trong 06 tháng đầu năm 2024, hoạt động chính của Công ty là khai thác điều hành và kinh doanh bến xe. Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ (trong khuôn viên bến xe); Cung cấp dịch vụ phục vụ trong bến xe.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

1.6 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 149 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 148 người).

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định hữu hình. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 05

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận tại thời điểm phát sinh. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 10 năm.

Giấy phép nhượng quyền

Nguyên giá của giấy phép nhượng quyền bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí mua. Giấy phép nhượng quyền được khấu hao theo phương pháp đường thẳng thời gian khấu hao 10 năm.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.10 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.11 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên số tiền lương thể hiện trên hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ vào lương người lao động là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên số tiền lương thể hiện trên hợp đồng lao động vào chi phí là 3% và trừ vào lương người lao động là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên số tiền lương thể hiện trên hợp đồng lao động vào chi phí là 1% và trừ vào lương người lao động là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương số tiền lương thể hiện trên hợp đồng lao động vào chi phí là 2%.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Trong 06 tháng đầu năm 2024, Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%. Theo quy định hiện hành, các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

4.16 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

4.17 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hòa Phú	Việt Nam	Liên kết của tập đoàn
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	Việt Nam	Liên kết của tập đoàn

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Công ty (gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	813.822.839	901.432.170
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	5.276.429.053	20.034.102.475
Các khoản tương đương tiền (*)	35.000.000.000	23.200.000.000
	<u>41.090.251.892</u>	<u>44.135.534.645</u>

(*) tại ngày 30/06/2024, khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có thời hạn gửi từ 01 đến 03 tháng tại ngân hàng có lãi suất từ 2,09% - 3,98%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (*)				
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – chi nhánh Chợ Lớn	83.000.000.000	83.000.000.000	101.500.000.000	101.500.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN – chi nhánh Bến Thành	71.000.000.000	71.000.000.000	65.000.000.000	65.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – chi nhánh Sài Gòn	13.570.000.000	13.570.000.000	13.570.000.000	13.570.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – chi nhánh Bình Tân	10.290.000.000	10.290.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Tây Sài Gòn	8.560.000.000	8.560.000.000	9.200.000.000	9.200.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Đông Sài Gòn	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
	186.420.000.000	186.420.000.000	200.270.000.000	200.270.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gửi từ 06 - 12 tháng, lãi suất từ 3,37% - 5,84%/năm.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	127.951.449	183.742.799
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	45.434.060	39.546.192
Các đối tượng khác		
Công ty Cổ phần Xe khách Phương Trang FutaBusLines	3.516.145.556	3.117.298.945
Các khách hàng khác	1.456.093.386	1.168.160.401
	5.145.624.451	4.508.748.337

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Hoàn Mỹ	1.321.440.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam VIETRAVEL	923.600.000	-
Các nhà cung cấp khác	128.476.906	2.169.504.080
	2.373.516.906	2.169.504.080

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan – Thuế TNCN				
Ông Đặng Nguyễn Nguyên Huân	187.895.504		183.721.960	-
Ông Trần Văn Phương	167.273.899		115.081.559	-
Ông Nguyễn Minh Tiến	116.793.846		46.402.545	-
Ông Nguyễn Xuân Tùng	89.103.994		65.095.066	-
Các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	2.485.090.565		421.828.001	-
Lãi dự thu	427.408.177	-	557.545.853	-
Tạm ứng nhân viên	360.200.000	-	537.200.000	-
	3.833.765.985	-	1.926.874.984	-

5.6 Nợ xấu

	30/06/2024			01/01/2024		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các đối tượng khác						
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Sơn Nguyên	Trên 03 năm	72.284.044	-	Trên 03 năm	72.284.044	-
Công ty TNHH MTV Lube Shop Long Trung	Trên 03 năm	45.627.615	-	Trên 03 năm	45.627.615	-
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Kim Kim Mai	Trên 03 năm	19.890.750	-	Trên 03 năm	19.890.750	-
Ông Bùi Văn Bửu	Trên 03 năm	19.589.641	-	Trên 03 năm	19.589.641	-
DNTN vận chuyển hành khách hàng hóa Thảo Nguyễn	Trên 03 năm	11.000.000	-	Trên 03 năm	11.000.000	-
		168.392.050	-		168.392.050	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tại ngày đầu kỳ	168.392.050	159.124.825
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	168.392.050	159.124.825

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.720.000	-	11.520.000	-
Công cụ, dụng cụ	75.000.000	-	-	-
Hàng hoá	-	-	87.696.000	-
	92.720.000	-	99.216.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Công cụ dụng cụ	465.519.105	505.491.261
Chi phí sửa chữa	34.413.319	114.938.560
Chi phí khác	358.457.472	280.692.008
	858.389.896	901.121.829

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Công cụ dụng cụ	288.537.057	439.074.013
Chi phí sửa chữa	261.722.607	295.886.916
Chi phí khác	33.851.459	52.081.919
	584.111.123	787.042.848

5.9 Tình hình tăng/ giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2024	79.249.217.451	8.140.547.654	3.724.145.455	1.224.607.867	92.338.518.427
Tăng trong kỳ	536.829.080	561.324.226	-	126.700.000	1.224.853.306
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.603.800.029	3.210.427.278	-	-	4.814.227.307
Giảm do thanh lý	(460.423.699)	-	-	-	(460.423.699)
Tại ngày 30/06/2024	80.929.422.861	11.912.299.158	3.724.145.455	1.351.307.867	97.917.175.341
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2024	61.158.660.064	3.790.222.055	1.291.393.852	674.202.972	66.914.478.943
Khấu hao trong kỳ	1.176.159.740	350.083.085	205.492.386	125.022.139	1.856.757.350
Giảm do thanh lý	(460.423.699)	-	-	-	(460.423.699)
Tại ngày 30/06/2024	61.874.396.105	4.140.305.140	1.496.886.238	799.225.111	68.310.812.594
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2024	18.090.557.387	4.350.325.599	2.432.751.603	550.404.895	25.424.039.484
Tại ngày 30/06/2024	19.055.026.756	7.771.994.018	2.227.259.217	552.082.756	29.606.362.747
Trong đó, nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/06/2024 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	53.057.824.260	2.989.169.335	-	308.034.771	56.355.028.366

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

5.10 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	Phần mềm máy tính	Giấy phép nhượng quyền	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	877.402.000	1.425.873.503	2.073.728.887	-	458.300.000	4.835.304.390
Tăng trong kỳ	-	-	160.000.000	-	-	160.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành			2.611.250.000	202.000.000	-	2.813.250.000
Tại ngày 30/06/2024	877.402.000	1.425.873.503	4.844.978.887	202.000.000	458.300.000	7.808.554.390
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	877.402.000	1.425.873.503	1.098.251.880	-	214.736.829	3.616.264.212
Khấu hao trong kỳ	-	-	171.970.331	8.959.676	39.750.000	220.680.007
Tại ngày 30/06/2024	877.402.000	1.425.873.503	1.270.222.211	8.959.676	254.486.829	3.836.944.219
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	-	-	975.477.007	-	243.563.171	1.219.040.178
Tại ngày 30/06/2024	-	-	3.574.756.676	193.040.324	203.813.171	3.971.610.171
Trong đó, nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/06/2024 đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	877.402.000	1.425.873.503	597.613.887	-	113.300.000	3.014.189.390

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2024	Chi phí xây dựng phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ hữu hình trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ vô hình trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND	VND
Tư vấn lập đề xuất "Xây dựng Bến xe miền tây mới"	90.909.091	-	-	-	90.909.091
Khoan khảo sát địa kỹ thuật "Khu nhà xe thành lối đi riêng cho xe buýt và văn phòng làm việc"	16.363.636	-	-	-	16.363.636
Hệ thống quản lý và điều hành vận tải bằng ô tô	56.727.273	5.663.071.968	(3.108.549.241)	(2.611.250.000)	-
Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời	45.000.000	-	-	-	45.000.000
Cải tạo hiên chờ Bến Xe (lần 2)	59.112.356	-	(59.112.356)	-	-
Xin giấy phép môi trường	101.000.000	101.000.000	-	(202.000.000)	-
Cải tạo cáp điện lực (dây cáp và tủ điện) và hệ thống đèn chiếu sáng công cộng toàn bến xe	101.878.037	-	(101.878.037)	-	-
Cải tạo hệ thống camera giám sát toàn Bến xe (giai đoạn 2)	244.560.185	-	-	-	244.560.185
Cải tạo nền trệt nhà xe 02 bánh	341.195.819	299.554.022	(640.749.841)	-	-
Thay mới mái tôn và duy tu khung kèo thép bãi trả khách	38.872.902	481.673.155	(403.989.309)	-	116.556.748
Lắp mái che cổng xe ra (cổng 3)	-	499.948.523	(499.948.523)	-	-
Trạm cấp khí CNG Bến xe	18.181.818	-	-	-	18.181.818
Cải tạo khu nhà làm việc của tổ duy tu và tổ vệ sinh thành kiốt	-	126.000.000	-	-	126.000.000
	1.113.801.117	7.171.247.668	(4.814.227.307)	(2.813.250.000)	657.571.478

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty Cổ phần Công nghệ Bằng Hữu	1.000.202.000	1.000.202.000	-	-
Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin và Dữ liệu phía Nam	637.045.455	637.045.455	-	-
Các nhà cung cấp khác	403.914.265	403.914.265	318.033.133	318.033.133
	2.041.161.720	2.041.161.720	318.033.133	318.033.133

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty TNHH 3KA Nguyễn	48.750.000	-
Các khách hàng cấp khác	5.902.112	26.289.018
	54.652.112	26.289.018

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

5.14 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà Nước

	01/01/2024		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2024
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/ khấu trừ VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	883.468.407	-	5.839.472.190	(4.723.297.757)	1.999.642.840
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.097.649.664	-	9.929.082.394	(8.937.741.072)	5.088.990.986
Thuế thu nhập cá nhân	-	(1.518.630.696)	3.372.031.798	(1.821.357.678)	32.043.424
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	(299.820.730)	719.428.848	(319.309.334)	100.298.784
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	4.981.118.071	(1.818.451.426)	19.863.015.230	(15.804.705.841)	7.220.976.034

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	49.315.210.970	40.378.607.917
Điều chỉnh tăng/ (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng	330.201.000	256.015.526
Tổng thu nhập chịu thuế	49.645.411.970	40.634.623.443
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN	9.929.082.394	8.126.924.689

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác: Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

5.15 Phải trả người lao động

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền lương nhân viên	8.999.634.734	14.328.169.105
	8.999.634.734	14.328.169.105

5.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH Xây dựng Quảng cáo Kim Ngân	122.840.000	122.840.000
Công ty TNHH GUTA Việt Nam	90.909.091	90.909.091
Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ	33.709.677	33.709.677
Công ty TNHH Dịch vụ Cộng Đồng Việt	39.200.000	-
Công ty TNHH Truyền thông Quảng cáo Nam Long	1.030.302	-
Công ty TNHH Dịch vụ Quảng Cáo DNS	-	92.290.909
Công ty TNHH 3KA Nguyễn	-	29.545.455
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Xuất nhập khẩu - Dịch vụ Quảng cáo Thanh Huy	-	11.260.995
	287.689.070	380.556.127

Đây là doanh thu chưa thực hiện về cho thuê mặt bằng.

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Bên liên quan		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV - cổ tức phải trả	-	20.400.000.000
Các tổ chức và cá nhân khác		
Cổ tức phải trả cho cổ đông	-	19.600.000.000
Công ty Cổ phần Xe khách Phương Trang Futa Buslines – tiền uỷ thác bán vé	1.688.660.000	2.786.355.000
Các đối tượng khác	103.798.122	200.735.446
	1.792.458.122	42.987.090.446

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Nhận ký quỹ dài hạn – Các bên liên quan		
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	61.285.000	61.285.000
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	42.513.000	42.513.000
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty Cổ phần Xe khách Phương Trang Futa Buslines	558.690.000	558.690.000
Các đối tượng khác	3.438.102.882	3.577.367.874
	4.100.590.882	4.239.855.874

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

5.18 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	01/01/2024 VND	Trích quỹ VND	Tăng khác VND	Sử dụng quỹ VND	30/06/2024 VND
Quỹ khen thưởng	8.086.487.811	2.550.000.000	22.642.000	(5.651.433.333)	5.007.696.478
Quỹ phúc lợi	5.555.908.015	2.550.000.000	-	(365.608.422)	7.740.299.593
Quỹ thưởng người quản lý Công ty	388.800.000	162.000.000	-	(388.800.000)	162.000.000
	14.031.195.826	5.262.000.000	22.642.000	(6.405.841.755)	12.909.996.071

5.19 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	25.000.000.000	118.927.026.605	47.223.101.074	191.150.127.679
Lãi trong kỳ	-	-	32.251.683.228	32.251.683.228
Trích lập quỹ:				
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.250.000.000)	(4.250.000.000)
Quỹ khen thưởng người quản lý Công ty	-	-	(162.000.000)	(162.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Tại ngày 30/06/2023	25.000.000.000	118.927.026.605	72.562.784.302	216.489.810.907
Tại ngày 01/07/2023	25.000.000.000	118.927.026.605	72.562.784.302	216.489.810.907
Lãi trong kỳ	-	-	34.230.059.948	34.230.059.948
Trích lập quỹ:				
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(10.080.395.577)	(10.080.395.577)
Quỹ khen thưởng người quản lý Công ty	-	-	(226.800.000)	(226.800.000)
Chia cổ tức	-	-	(37.500.000.000)	(37.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	25.000.000.000	118.927.026.605	58.985.648.673	202.912.675.278
Tại ngày 01/01/2024	25.000.000.000	118.927.026.605	58.985.648.673	202.912.675.278
Lãi trong kỳ	-	-	39.386.128.576	39.386.128.576
Trích lập quỹ:				
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.100.000.000)	(5.100.000.000)
Quỹ khen thưởng người quản lý Công ty	-	-	(162.000.000)	(162.000.000)
Tại ngày 30/06/2024	25.000.000.000	118.927.026.605	93.109.777.249	237.036.803.854

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	30/06/2024		01/01/2024	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	12.750.000.000	51%	12.750.000.000	51%
America LLC	5.907.000.000	24%	5.558.000.000	22%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình	2.505.000.000	10%	2.505.000.000	10%
Các cổ đông khác	3.838.000.000	15%	4.187.000.000	17%
	25.000.000.000	100%	25.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận:

Trong kỳ, Công ty tạm trích các quỹ từ lợi nhuận 06 tháng đầu năm 2024 dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 42/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2024 như sau:

	VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.100.000.000
- Trích quỹ khen thưởng người quản lý công ty	162.000.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	78.499.606.521	68.586.266.689
	78.499.606.521	68.586.266.689

Trong đó, doanh thu bên liên quan:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	691.334.317	680.051.792
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	223.380.339	204.275.457
	914.714.656	884.327.249

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	29.542.129.402	28.246.939.971
	29.542.129.402	28.246.939.971

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lãi tiền gửi	5.598.820.879	5.657.232.306
	5.598.820.879	5.657.232.306

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.262.613.132	5.238.361.145
Chi phí khấu hao tài sản cố định	504.577.006	397.570.092
Chi phí điện	253.031.688	152.035.981
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.011.826.478	1.821.132.714
	8.032.048.304	7.609.099.932

6.5 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	1.282.500
Lãi thanh lý công cụ dụng cụ	73.472.727	15.542.954
Thu tiền điện, nước của doanh nghiệp thuê mặt bằng	2.138.573.876	1.707.353.817
Thu nhập khác	578.914.673	266.969.554
	2.790.961.276	1.991.148.825

6.6 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39.386.128.576	32.251.683.228
Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.262.000.000)	(4.412.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	34.124.128.576	27.839.683.228
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.650	11.136

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

6.7 Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	135.424.663	125.619.775
Chi phí nhân viên	26.822.393.190	27.184.525.754
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.077.437.357	2.102.204.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.320.704.354	3.883.539.633
Chi phí bằng tiền khác	3.218.218.142	2.560.150.409
	37.574.177.706	35.856.039.903

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên.

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1 Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 06 năm 2024			
Phải trả người bán	2.041.161.720	-	2.041.161.720
Chi phí phải trả ngắn hạn	27.570.000	-	27.570.000
Các khoản phải trả khác	1.792.458.122	4.100.590.882	5.893.049.004
	3.861.189.842	4.100.590.882	7.961.780.724
Ngày 31 tháng 12 năm 2023			
Phải trả người bán	318.033.133	-	318.033.133
Các khoản phải trả khác	2.987.090.446	4.239.855.874	7.226.946.320
	3.305.123.579	4.239.855.874	7.544.979.453

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2024 VND	31/12/2023 VND	30/06/2024 VND	31/12/2023 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.090.251.892	44.135.534.645	41.090.251.892	44.135.534.645
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	186.420.000.000	200.270.000.000	186.420.000.000	200.270.000.000
Phải thu khách hàng – Bên liên quan	173.385.509	223.288.991	173.385.509	223.288.991
Phải thu khách hàng – Tổ chức và cá nhân khác	4.803.846.892	4.117.067.296	4.803.846.892	4.117.067.296
Các khoản phải thu khác	3.473.565.985	1.389.674.984	3.473.565.985	1.389.674.984
Tổng cộng	235.961.050.278	250.135.565.916	235.961.050.278	250.135.565.916
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán – Tổ chức và cá nhân khác	2.041.161.720	318.033.133	2.041.161.720	318.033.133
Chi phí phải trả ngắn hạn	27.570.000	-	27.570.000	-
Các khoản phải trả khác	5.893.049.004	7.226.946.320	5.893.049.004	7.226.946.320
Tổng cộng	7.961.780.724	7.544.979.453	7.961.780.724	7.544.979.453

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

độc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

		Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Thù lao Hội Đồng Quản trị			
Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch HĐQT	94.500.000	94.500.000
Mai Thanh Bình	Thành viên HĐQT	66.150.000	66.150.000
Đặng Nguyễn Nguyên Huân	Thành viên HĐQT	66.150.000	66.150.000
Trần Văn Phương	Thành viên HĐQT	66.150.000	66.150.000
Bùi Công Hiệp	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Thù lao Ban kiểm soát			
Nguyễn Xuân Tùng	Trưởng BKS	66.150.000	66.150.000
Trương Nguyễn Thiên Kim	Thành viên BKS	47.250.000	47.250.000
Nguyễn Văn Hà	Thành viên BKS	47.250.000	47.250.000
Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc			
Đặng Nguyễn Nguyên Huân	Tổng Giám Đốc	691.473.943	458.195.620
Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	615.077.259	401.817.209
Nguyễn Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	599.760.495	349.317.843

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong kỳ có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn -TNHH MTV	Chia cổ tức	-	2.550.000.000
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Cung cấp dịch vụ	691.334.317	680.051.792
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	Cung cấp dịch vụ	223.380.339	204.275.457
Công ty Cổ phần Hòa Phú	Mua hàng	-	20.717.273

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các công ty có liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	Phải trả cổ tức	-	(20.400.000.000)
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Phải thu thương mại ngắn hạn	127.951.449	183.742.799
	Phải trả dài hạn khác	(61.285.000)	(61.285.000)
Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn	Phải thu thương mại ngắn hạn	45.434.060	39.546.192
	Phải trả dài hạn khác	(42.513.000)	(42.513.000)

8.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là khai thác và kinh doanh bến xe và ở khu vực địa lý duy nhất là Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.



LÊ NGỌC ĐOÀN
Người lập



NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng



ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2024

Ho Chi Minh City Head Office
2/F Indochina Park Tower,
No. 4 Nguyen Dinh Chieu St.,
Dakao Ward, District 1,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : +84 28 222 00237
Fax : +84 28 222 00265
Email: pkf.afchcm@pkf.afcvietnam.vn

Can Tho Branch
A1 - 28 Street 6, Cong An Residence,
Thanh Loi Area, Phu Thu Ward,
Cai Rang District,
Can Tho City, Vietnam
Tel : +84 292 3827 888
Fax : +84 292 3823 209
Email: pkf.afcct@pkf.afcvietnam.vn

Northern Branch
Room 707, Sunrise Building,
No. 90 Tran Thai Tong St.,
Dich Vong Hau Ward, Cau Giay Dist.,
Ha Noi City, Vietnam
Tel : +84 243 2002 016
Fax : +84 243 7950 832
Email: pkf.afcmb@pkf.afcvietnam.vn

Ha Thanh Branch
No. 44 Nguyen Cong Hoan Street,
Ngoc Khanh Ward, Ba Dinh District,
Ha Noi City, Vietnam.
Tel : +84 243 8373 666
Fax : +84 243 2191 538
Email: pkf.afcht@pkf.afcvietnam.vn

www.pkf.afcvietnam.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN XE MIỀN TÂY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **59** /BXMT-KTTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày **06** tháng 8 năm 2024

V/v giải trình lợi nhuận sau thuế
6 tháng đầu năm 2024 tăng 22,12% so với cùng

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây giải trình về nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận sau thuế của báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 tăng 22,12% so với cùng kỳ, cụ thể như sau:

Tổng doanh thu 6 tháng đầu năm 2024 đạt 86.889.388.676 đồng tăng 13,98% so với cùng kỳ. Trong đó:

Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 78.499.606.521 đồng tăng 14,45% so với cùng kỳ. Nguyên nhân: một số doanh nghiệp vận tải mới vào bến hoạt động; doanh nghiệp vận tải mở thêm tuyến mới và điều chỉnh tăng biểu đồ xe chạy đã được cơ quan quản lý tuyến phê duyệt để phục vụ hành khách; sản lượng hành khách và xe xuất bến vào dịp Tết Nguyên đán và Lễ 30/4&01/5 tăng so cùng kỳ; điều chỉnh thu giá dịch vụ xe lưu đậu và lượt xe ra vào bến của xe trung chuyển.

Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác đạt 8.389.782.155 đồng tăng 9,69% so với cùng kỳ. Nguyên nhân: thu nhập khác tăng 40,17% (do lượng hành khách qua bến tăng nên hoạt động kinh doanh các dịch vụ khác cũng tăng theo) và doanh thu hoạt động tài chính đạt 98,97% so cùng kỳ (do lãi suất huy động tiền gửi giảm).

Tổng chi phí 37.574.177.706 đồng tăng 4,79% so với cùng kỳ, nguyên nhân: do các khoản chi phục vụ hoạt động kinh doanh tăng như chi phí tiền cơm trưa cho người lao động, mua công cụ dụng cụ phục vụ công tác, chi phí tiền điện, ...

Do vậy, lợi nhuận sau thuế của báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 đạt 39.386.128.576 đồng tăng 22,12% so với cùng kỳ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT (TCHC).



Đặng Nguyễn Nguyễn Huân